

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Trang Thủy

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3603/STNMT-CCBVMT ngày 09/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,24ha) tại núi Nậy, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Trang Thủy;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1455/TTr-STNMT ngày 09/12/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,24ha) của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Trang Thủy (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Nậy, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký /.

**Nơi nhận:**

- Bộ TNMT (để b/c);
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- Chủ dự án; Quỹ BVMT;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thuận;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

## Phụ lục

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,24ha) TẠI NÚI NẢY, XÃ BÌNH THUẬN, HUYỆN TÂY SƠN CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRANG THỦY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024  
của UBND tỉnh Bình Định).

### 1. Thông tin về Dự án

#### 1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,24ha) (sau đây gọi là Dự án).
- Địa điểm thực hiện: tại núi Nạy, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Trang Thủy.
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 5, khối 1, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0988.507847.

#### 1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 2,24ha.
- Thời hạn khai thác: 05 năm.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 07h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng được phép khai thác theo Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh Bình Định là 162.291 m<sup>3</sup> đất địa chất.
- Công suất khai thác:
  - Năm thứ 1: 21.458 m<sup>3</sup> đất địa chất/năm.
  - Năm thứ 2 đến năm thứ 5: 30.000 m<sup>3</sup> đất địa chất/năm.

#### 1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự và phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ +40m ở trung tâm mỏ, thực hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới vừa khai thác vừa mở rộng khai trường và cải tạo, phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) sau khi kết thúc dự án. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ có độ cao +27m (mức sâu nhất theo bình đồ phân khối trữ lượng ban hành kèm theo Quyết định số 1551/QĐ- UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25m<sup>3</sup>) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh

tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

#### 1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường:
  - + 03 hố giảm tốc (phía Tây Bắc, phía Tây Nam và phía Đông Nam).
  - + Hệ thống mương thu gom nước mưa: Xung quanh mỏ có tổng chiều dài 500m; mương dọc hai bên tuyến đường vận chuyển nội bộ mỏ có tổng chiều dài 540m.
- Tuyến đường giao thông trong mỏ:
  - + Tuyến đường ngoài mỏ: Cải tạo nâng cấp tuyến đường đất hiện trạng từ mỏ ra đến đường bê tông có chiều dài khoảng 110m.
  - + Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) có chiều dài khoảng 270m.
- Khu vực phụ trợ phía Tây Nam (nằm trong ranh giới mỏ), diện tích khoảng 1.250m<sup>2</sup>: Bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

#### 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

### **2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Quá trình khai thác đất: Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.
- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án**

#### 3.1. Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 0,48 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...
- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 2.007 m<sup>3</sup>/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn là 2,24ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình.

#### 3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 3,6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 3,0 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án**

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 500m (kích thước: Rộng 2,0m x Sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mỏ có tổng chiều dài 540m (kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1 phía Tây Bắc (tọa độ 1.545.843; 580.437), thể tích khoảng 147m<sup>3</sup> (diện tích 49m<sup>2</sup>, sâu 3m); hồ giảm tốc số 2 phía Tây Nam (tọa độ: 1.545.709, 580.517), thể tích khoảng 108m<sup>3</sup> (diện tích 36m<sup>2</sup>, sâu 3m); hồ giảm tốc số 3 phía Đông Nam (tọa độ: 1.545.694, 580.619), thể tích khoảng 147m<sup>3</sup> (diện tích 49m<sup>2</sup>, sâu 3m). Kết cấu các hồ giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc, một phần phía Tây và dọc tuyến đường nội bộ mỏ → mương thu nước phía Bắc và phía Tây → hồ giảm tốc phía Tây Bắc mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe rãnh hiện trạng.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam, một phần phía Tây và dọc tuyến đường nội bộ mỏ → mương thu nước phía Nam và phía Tây → hồ giảm tốc phía Tây Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe rãnh hiện trạng.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông mỏ → mương thu nước phía Đông → hồ giảm tốc phía Đông Nam mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thu nước phía Nam → hồ giảm tốc phía Tây Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe rãnh hiện trạng.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân

cu) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Khu vực khai thác</b>				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	3	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m <sup>3</sup>	2.016	Tạo bề mặt bằng phẳng thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
3.	San lấp mương thu gom nước mưa và hố giảm tốc	m <sup>3</sup>	1.542	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
4.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m <sup>2</sup>	40		
5.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	2,24	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
6.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	2,24	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
<b>II</b>	<b>Ngoài khu vực khai thác</b>				
1.	Tháo dỡ và trồng keo tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đến đường bê tông chiều dài 110m			Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
1.1	Tháo dỡ tuyến đường	m <sup>3</sup>	165		
1.2	Trồng keo tuyến đường	ha	0,055		

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **397.634.000 đồng** (Ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 05 lần, thực hiện thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 99.409.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 74.556.250 đồng/lần, thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

**5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án**

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

**6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Không./.**